

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/09/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK6+TD2+TTC3	7:25	5+16+0	0+0+0		4+13+5	0+0+0	
2		BK8+P2	7:25	5+17	0+0		2+20	0+0	
3		RC3+RP2	9:25	10+12	0+0		9+13	0+0	
4		P11+P10+P2	9:25	1+1+19	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 2 p11- p10
5		CTC1+RC10+BK4	11:25	19+3+0	0+0+0		9+3+7	0+0+0	
6		RP2+TGTH4	11:25	22+0	0+0		21+1	0+0	1 NGUOI NHA H4 MAT
7		P9+BK6+BK5	11:25	5+4+8	0+0+0		0+6+13	0+0+0	Pura.
8		P8+PPD	13:25	10+11	0+0		9+13	0+0	
9		RP2+RC3+BK8	13:25	17+4+1	0+0+0		10+5+5	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày PPD 3ng, BK8-2ng, RC3-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/09/2024	TO: BK6 - TD2 - TTC3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - SON - THÀNH	ETA: 09:25
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ NGỌC AN (HLO)	BK6	70-71	2	12			78	KH-THAC	Vietnamese
2	VU VĂN THỌ	BK6	95	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN CÔNG THÀNH	BK6	94	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN CUÔNG	BK6	91-92	2	15	1	20	80	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN CHUÔNG	BK6	93	1	14			61	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN HAI	TD2	08	1	3			87	KHOAN	Vietnamese
7	GONCHAROV SERGEY	TD2	07	1	10			99	KHOAN	Russian
8	TRƯỜNG THANH TÙNG	TD2	03	1	5			76	KHOAN	Vietnamese
9	LY ANH TUẤN	TD2	05	1	5	2	40	85	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	TD2	96-97	2	12			61	KHOAN	Vietnamese
11	NGÔ VĂN HUY	TD2	94	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
12	ĐOÀN VĂN TRƯỞNG	TD2	90-91	2	12			73	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	TD2	01-02	2	16			73	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ XUÂN HAI	TD2	992-993	2	16			76	KHOAN	Vietnamese
15	QUÁCH VĂN TÔI	TD2	09	1	4			81	KHOAN	Vietnamese
16	CAO VĂN LỢI	TD2	95	1	7			68	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN HAI LAM	TD2	92-93	2	10			65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU LUÂN	TD2	04	1	11			67	KHOAN	Vietnamese
19	ĐỖ NGUYỄN GIÁP	TD2	98-99	2	17			75	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH PHONG	TD2	10-12	3	21			65	DUY LINH	Vietnamese
21	USATENKO DMITRII	TD2	06	1	13			100	DVL	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	BK6		5	361	7	53	1	20	4		
2	TD2		16	1.223	24	167	2	40	13		
3	TTC3		0	0	0	0	1	36	5		
TOTAL			21	1.584	31	220	4	96	22		
WEIGHT KG				1.584		220		96			

GRAND TOAL: 1.900 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/09/2024	TO: BK8 - P2	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TUYỀN - HTRUNG - HIẾU	ETA: 09:30
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN VĂN CÂN	BK8						60	KH-THAC	Vietnamese
2	SMIRNOV	BK8	91	1	5			98	KH-THAC	Russian
3	LÊ HUY TIẾN HAI	BK8	94	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG SỸ NGOC	BK8	93	1	6	2	30	65	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THANH SƠN	BK8	92	1	6			60	KH-THAC	Vietnamese
6	SHEREMETIEV A.V.	P2						83	D-HANH	Russian
7	BAGRAMOV	P2	58	1	15			98	KH-THAC	Russian
8	TRẦN ĐOÀN HƯƠNG	P2	48	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG ĐỨC HIẾU	P2	42	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG XUÂN ĐIỆP	P2	46-47	2	20	4	80	45	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM QUỐC HIẾN	P2	54	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG MINH ĐỨC	P2	53	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN NGUYỄN BAO CHAU	P2	55-56	2	18			62	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ QUANG ANH HUNG (HLO)	P2	51	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM NGUYỄN HOANG PHÚC	P2	45	1	3			85	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC QUANG	P2						70	KHI	Vietnamese
17	TRINH HOANG THỀM	P2	50	1	4			65	KHI	Vietnamese
18	TRẦN TRỌNG PHONG	P2	49	1	5			75	YTE	Vietnamese
19	VU VĂN NAM	P2	43	1	7	1	20	61	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ VĂN ĐÔNG	P2	57	1	3			76	KH-THAC	Vietnamese
21	LƯU VĂN TÚ	P2	41	1	3			63	KH-THAC	Vietnamese
22	HỒ HỮU LINH	P2	52	1	4			94	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	BK8		5	351	4	24	2	30	2		
2	P2		17	1.201	17	106	5	100	20		
TOTAL			22	1.552	21	130	7	130	22		
WEIGHT KG				1.552		130		130			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/09/2024	TO: RC3 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - SON - THÀNH	ETA: 11:45
XANH-2			

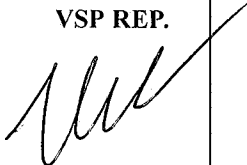
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HUYNH XUAN TRUONG	RC3				2	35	74	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN NAM THAI	RC3	26	1	4			61	D-HANH	Vietnamese
3	LAM TRONG DAI	RC3	30-31	2	13			59	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM XUAN KHOA	RC3	32-34	3	18			61	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN LUU VU	RC3	24	1	4			68	ANTOAN	Vietnamese
6	VU LE TRUNG (HLO)	RC3	28-29	2	7			66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG KHOA	RC3	27	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO KHANH NAM	RC3	23	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN HAI VIET	RC3	25	1	6			93	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM HOANG HUNG	RC3	35-36	2	16			87	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TRUONG	RP2	43,54	2	14	1	15	88	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN VAN BINH	RP2	56-57	2	18	1	8	77	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG NGOC DANH	RP2	44	1	6			71	KHOAN	Vietnamese
14	DO VAN PHAN	RP2	89	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM NGOC HAI	RP2	92	1	7			76	KHOAN	Vietnamese
16	KHALIMOV	RP2	88	1	17	3	22	96	KH-THAC	Russian
17	DINH XUAN GIANG	RP2	53	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HUNG CUONG	RP2	87	1	5			84	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI KHAC HOANG	RP2	51-52	2	8			56	YTE	Vietnamese
20	HOANG TRUNG HIEU	RP2	90	1	5			71	KHOAN	Vietnamese
21	LE THANH NGOC	RP2	85-86	2	18			50	KHOAN	Vietnamese
22	VU DUC THANH	RP2	91	1	8			67	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

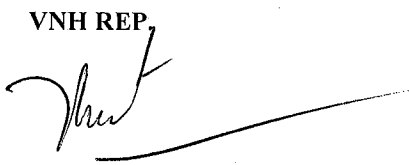
No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	RC3		10	716	14	83	2	35	9		
2	RP2		12	883	16	116	5	45	13		
TOTAL			22	1.599	30	199	7	80	22		
WEIGHT KG				1.599		199		80			

GRAND TOAL: 1.878 KGS

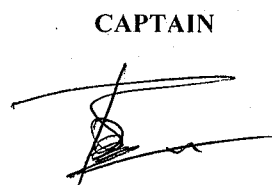
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/09/2024	TO: P11 - P10 - P2	AIRCRAFT: 428	ETD: 10:00
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TUYỀN - HTRUNG - HIẾU	ETA: 11:50
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGÔ QUANG PHÚC	P11	58-59	2	21			68	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG PHÚC ANH	P10	56	1	6			58	PSV	Vietnamese
3	TRÁC ĐỨC HUY	P2	30	1	5	2	40	72	KH-THAC	Vietnamese
4	VU VAN HIEU	P2	23	1	3	1	20	55	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ SINH TÂM	P2	25	1	8			95	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU HÀ	P2	21	1	8			50	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN VĂN DƯ	P2	24	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
8	K LING	P2	35	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN QUYÊN	P2	26	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH NAM	P2	20	1	9			70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN PHÚ HỮU	P2	18	1	5	4	73	65	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI THỌ DUNG	P2	19	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HIẾU	P2	17	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
14	TẠNG MẠNH HÀ	P2	29	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ NGỌC DUNG	P2	27	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC DƯ	P2	22	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG NGUYỄN DUY NHAN	P2	31-32	2	11			50	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU HAO	P2	16	1	3	1	5	78	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN TUNG DƯƠNG	P2	28	1	8			58	ANTOAN	Vietnamese
20	TRẦN VĂN QUAN	P2	34	1	6			65	PSV	Vietnamese
21	TRẦN MINH TRI	P2	33	1	11			55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P11	1	68	2	21	0	0	af2		CHUYEN 2 PAX P11-P10
2	P10	1	58	1	6	0	0	0		
3	P2	19	1.282	20	115	8	138	22		
TOTAL		21	1.408	23	142	8	138	22		
WEIGHT KG			1.408		142		138			

GRAND TOAL: 1.688 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/09/2024		TO: CTC1 - RC10 - BK4				AIRCRAFT: 410			ETD: 12:15		
FLIGHT: 08		FROM: VT				CREW: HUNG - N.CU'ONG - TÚ			ETA: 14:05		
XANH - 3											
No.	PAX.NAME		OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
							PCS	Kg			
1	NGUYỄN BÌNH LONG		CTC1	54-55	2	15			86	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ ANH VŨ (HLO)		CTC1	59	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẠU HUY HOANG		CTC1	57	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VĂN LÝ		CTC1	53	1	5	1	20	83	KH-THAC	Vietnamese
5	TẠ VĂN VIỆT		CTC1	58	1	5			78	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI SĨ HIỆU		CTC1	56	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
7	LUƠNG XUÂN THANH		CTC1	64	1	3			77	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ HOANG LONG		CTC1	61	1	10			85	KH-THAC	Vietnamese
9	LUƠNG NGỌC THANH		CTC1	60	1	4			101	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN TRỌNG MẠNH		CTC1	62	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NHẬT TÂN		CTC1	75-76	2	14			78	CODIEN	Vietnamese
12	VŨ TIỀN PHỤNG		CTC1	65	1	8			71	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG TRUNG		CTC1	67	1	9	3	26	78	CODIEN	Vietnamese
14	TRẦN PHÚ		CTC1	66	1	10			70	CODIEN	Vietnamese
15	BUI CONG THANH		CTC1	70,72	2	12	3	33	83	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH THANG		CTC1	68-69	2	15			69	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN MẠNH HÙNG		CTC1	73-74	2	12			76	XAYLAP	Vietnamese
18	TRẦN VĂN VIỆT (1991)		CTC1	63	1	10			71	PSV	Vietnamese
19	PHẦN TÂN TÀI		RC10	04	1	5			73	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG TÂN		RC10	05	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM TRUNG KIẾN		RC10				1	14	70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTC1	18	1.369	23	158	7	79	9		
2	RC10	3	209	2	9	1	14	3		
3	BK4	0	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		21	1.578	25	167	8	93	19		
WEIGHT KG			1.578		167		93			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/09/2024	TO: RP2 - TGTH4	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:20
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: DUONG - MTHAO -	ETA: 14:10
VANG-3		DTUNG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN DUY PHU	RP2	85	1	17			75	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN BA DUY	RP2	73	1	2			60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN LIEM (HLO)	RP2	72	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DUY HUNG	RP2	71	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN THIEN PHUOC	RP2	88	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
6	DO DUC CUONG	RP2						80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HONG QUANG	RP2	87	1	5	6	120	65	KH-THAC	Vietnamese
8	HO DUC LONG	RP2	77	1	9			57	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG TUAN CUONG	RP2		1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
10	VU HUU QUAN	RP2	67	1	6			62	KH-THAC	Vietnamese
11	VO HOANG CAM	RP2	84	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC TUAN	RP2	80	1	4			79	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG NHAT QUANG	RP2	79	1	5			57	KHOAN	Vietnamese
14	PHAN CONG HOANG	RP2	76	1	15			66	KH-THAC	Vietnamese
15	LE LAM	RP2	68	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN HAI	RP2	74	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VIET NHUONG	RP2	78	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN QUANG VINH	RP2	75	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN NGON QUANG DUY	RP2	81	1	9			93	KH-THAC	Vietnamese
20	LE VIET TRUONG	RP2	69-70	2	10			65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN HUNG DUNG	RP2	86	1	13			74	DVL	Vietnamese
22	LUU DINH TRONG	RP2	82	1	15			80	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	22	1.520	22	165	6	120	21		
2	TGTH4	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.520	22	165	6	120	22		
WEIGHT KG			1.520		165		120			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/09/2024	TO: P9 - BK6 - BK5	AIRCRAFT: 616	ETD: 11:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: HHAI - MẠNH	ETA: 13:20
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LAI ANH TUAN	P9	97	1	15	4	95	100	KH-THAC	Vietnamese
2	LE HONG LINH	P9	91	1	14			83	KH-THAC	Vietnamese
3	LE VAN TIET	P9	93-94	2	16			78	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM THAI SON	P9	95-96	2	11			78	KH-THAC	Vietnamese
5	LE THANH BINH	P9	92	1	9			64	KH-THAC	Vietnamese
6	LE BA HOA	BK6	01-02	2	25			75	KH-THAC	Vietnamese
7	DOAN NGOC THUONG	BK6	03	1	14			83	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN HOANG SANG	BK6	04	1	14			90	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN PHE	BK6	05	1	5			67	PSV	Vietnamese
10	THAI HAI HA (HLO)	BK5	91	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN CONG THANH	BK5	94	1	7			83	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN THUAN	BK5	93	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN TRUNG SON	BK5	98	1	9			79	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUY TAI	BK5	97	1	14			58	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUU LONG	BK5	99	1	12			70	KH-THAC	Vietnamese
16	LE HONG CUONG	BK5	95-96	2	23			70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HUU NGHIEM	BK5	92	1	5			57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P9	5	403	7	65	4	95	0		
2	BK6	4	315	5	58	0	0	6		
3	BK5	8	555	9	84	0	0	13		
TOTAL		17	1.273	21	207	4	95	19		
WEIGHT KG			1.273		207		95			

GRAND TOAL: 1.575 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/09/2024		TO: P8 - PPD			AIRCRAFT: 410			ETD: 14:30		
FLIGHT:		FROM: VT			CREW: HUNG - N.CU'ONG - TÚ			ETA: 16:20		
CAM-4										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI ANH TU	P8	52-53	2	16			70	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN TRONG ANH ***	P8	46	1	3			75	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN THANH HAI ***	P8	47	1	7			68	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM HONG QUY	P8	54	1	12	6	110	70	DVL	Vietnamese
5	LE DUY HUYNH	P8	55	1	15			68	DVL	Vietnamese
6	DOAN PHUC HOANG	P8	26-27	2	19			74	DVL	Vietnamese
7	PHAM VAN SANG	P8	50-51	2	15			67	DVL	Vietnamese
8	PHAM XUAN HUNG	P8	49	1	12			70	DVL	Vietnamese
9	LUU BA XO	P8	44-45	2	15			82	DVL	Vietnamese
10	DINH NGOC QUYNH	P8	48	1	6			58	KH-THAC	Vietnamese
11	CHEPKO VITALY	P8	62	1	6			80	KHOAN	Russian
12	BIEN MINH SON	PPD	12	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN KHAC LAM	PPD	10	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN MANH HIEN	PPD	15-16	2	19			80	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN THE ANH	PPD	17-18	2	18			78	XAYLAP	Vietnamese
16	DUONG DANG CUONG	PPD	19	1	16	1	20	74	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN MINH THUAN	PPD	11	1	6			75	PSV	Vietnamese
18	HOANG XUAN DONG	PPD	09	1	7			60	PSV	Vietnamese
19	DO HUY KHANH	PPD	14	1	10			80	PSV	Vietnamese
20	PHAN THANH NAM	PPD	08	1	9			76	PSV	Vietnamese
21	MAI CAO DINH	PPD	13	1	6			61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	11	782	15	126	6	110	9		
2	PPD	10	734	12	104	1	20	13		
TOTAL		21	1.516	27	230	7	130	22		
WEIGHT KG			1.516		230		130			

GRAND TOAL: 1.876 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/09/2024	TO: RP2 - RC3 - BK8	AIRCRAFT: 428	ETD: 14:35
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: DUONG - MTHAO -	ETA: 16:25
TRANG-4		DTUNG	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN ĐỨC LONG	RP2	98-99	2	17			68	DVL	Vietnamese
2	LE VAN TUNG	RP2	83-85	3	18			60	XAYLAP	Vietnamese
3	HỒ SY TRUNG	RP2	88-89	2	13			66	XAYLAP	Vietnamese
4	TRAN QUOC TUAN	RP2	95-96	2	8			63	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG VAN TAM	RP2	92	1	15			65	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐO XUAN HIỆP	RP2	86-87	2	20			74	XAYLAP	Vietnamese
7	DO DANH NGOC	RP2	15	1	10	1	14	79	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN DANG HIEU	RP2	81-82	2	19			60	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN VAN HOC	RP2	93	1	18			61	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN NGOC LANG	RP2	10	1	10	1	12	61	T-TIN	Vietnamese
11	LE VAN LOI	RP2	12-14	3	20			60	T-TIN	Vietnamese
12	NGUYEN QUANG TAN	RP2	91	1	3			58	PSV	Vietnamese
13	LE MANH HUNG	RP2	94	1	4	3	60	76	PSV	Vietnamese
14	HOANG VIET ANH	RP2	97	1	8			66	PSV	Vietnamese
15	LUONG MANH HUONG	RP2	700	1	3			63	PSV	Vietnamese
16	TRAN QUANG PHU	RP2	17-18	2	11			61	DK9	Vietnamese
17	PHAN ĐỨC NGUYEN	RC3	13	1	10			64	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN SƠN TÙNG	RC3	12	1	12			72	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYEN HỒNG QUÂN	RC3	10-11	2	20			72	CODIEN	Vietnamese
20	VŨ NGỌC HÙNG	RC3	22	1	7			61	PSV	Vietnamese
21	BUI ĐẶC CẢNH	BK8	08-98-99	1	10			69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	16	1.041	26	197	5	86	10		
2	RC3	4	269	5	49	0	0	5		
3	BK8	1	69	1	10	0	0	5		
TOTAL		21	1.379	32	256	5	86	20		
WEIGHT KG			1.379		256		86			

GRAND TOAL: 1.721 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

VSP

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/09/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+TD1	7:25	7+15	0+0		3+19	0+0	
2		CLO+RP2+P8	7:25	15+2+0	0+0+0		12+3+7	0+0+0	
3		T.UNG	07:25	8	0		0	0	
4		TD5+P10	9:25	13+9	0+0		12+8	0+0	
5		RP3+RC4+TD3	9:25	8+2+11	0+0+0		7+0+15	0+0+0	
6		T.UNG	11:25	14	0		5	0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/09/2024	TO: TD5 - TD1	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: XANH - ĐNAM - TOAN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LE ANH SON	TD5	52	1	10			72	DMC-MI	Vietnamese
2	NGUYEN DUY TAM	TD5	50	1	5	1	7	62	KHOAN	Vietnamese
3	HOANG ANH TUAN	TD5	47-48	2	14	3	55	79	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN PHUNG QUE	TD5	49	1	5			72	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN TUAN ANH	TD5						84	KHOAN	Vietnamese
6	HA THANH TUNG	TD5	46	1	7			85	KHOAN	Vietnamese
7	VU LONG PHI	TD5	51	1	14			68	KHOAN	Vietnamese
8	HA MINH TUAN	TD1	93	1	6			67	KHOAN	Vietnamese
9	VU VAN KIEN	TD1	94	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
10	VU TU NAM	TD1	95	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM DOI	TD1	96-98	3	12			72	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VIET CHUONG	TD1	82	1	5			63	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TUAN DAT	TD1	99	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN VAN BAO	TD1	87	1	10			82	KHOAN	Vietnamese
15	LE VAN BINH	TD1	90-91	2	12			60	KHOAN	Vietnamese
16	VUONG VAN THONG	TD1	89	1	10			66	YTE	Vietnamese
17	PHAM DANG NINH	TD1	85	1	8			55	KHOAN	Vietnamese
18	LE BA PHUONG	TD1	86	1	8			71	KHOAN	Vietnamese
19	HOANG DANG NAM	TD1	83-84	2	10			92	KHOAN	Vietnamese
20	DAO XUAN KHIEM	TD1	300	1	9			47	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN ANH VINH	TD1	92	1	6			59	DVL	Vietnamese
22	NGUYEN VAN LINH	TD1	88	1	15			67	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	7	522	7	55	4	62	3		
2	TD1	15	1.036	19	125	0	0	19		
TOTAL		22	1.558	26	180	4	62	22		
WEIGHT KG			1.558		180		62			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Linh VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/09/2024	TO: CLO - RP2 - P8	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LINH - NPHÚ - DTÙNG	ETA: 09:25
CAM-I			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VUONG NGOC HOAN	CLO	25-26	2	9	1	15	74	KHOAN	Vietnamese
2	VU HAI LONG	CLO	14-15	2	12			78	KHOAN	Vietnamese
3	DINH VAN THONG	CLO	19	1	8			74	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYEN HOANG TRUONG	CLO	30-31	2	17			74	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN NGOC HOAN	CLO	16-17	2	8			72	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN CHI NGHIEM	CLO	27-28	2	8			78	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN SI LONG	CLO	20	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
8	TU QUOC VIET	CLO	13	1	12			65	KHOAN	Vietnamese
9	LAM XUAN TU	CLO	24	1	2			79	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN VINH	CLO	23	1	10			70	KHOAN	Vietnamese
11	LE VAN TUAN	CLO	18	1	4			64	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN DOAN SUI	CLO	21-22	2	12			65	KHOAN	Vietnamese
13	LE THANH THAI	CLO	33	1	16			91	KHOAN	Vietnamese
14	QUACH THE ANH	CLO	32	1	11			72	KHOAN	Vietnamese
15	DANG MINH TUAN	CLO	29	1	16			85	KHOAN	Vietnamese
16	NHAM DUC TUAN	RP2	85	1	10			68	DVL	Vietnamese
17	DOAN NGUYEN MINH TRUONG	RP2	86	1	15			78	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	CLO		15	1.115	21	150	1	15	12		
2	RP2		2	146	2	25	0	0	2		
3	P8		0	0	0	0	3	35	8		
TOTAL			17	1.261	23	175	4	50	22		
WEIGHT KG				1.261		175		50			

GRAND TOAL: 1.486 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/09/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:45
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: CHIẾN - HHẢI	ETA: 11:00
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN VAN CAO	T.UNG	76	1	12			66	CO DIEN	Vietnamese
2	HO CHIEN THANG	T.UNG	78	1	10			56	CO DIEN	Vietnamese
3	MAI DINH KHANG	T.UNG	77	1	12			50	CO DIEN	Vietnamese
4	LE NGOC ANH	T.UNG	75	1	10			77	CO DIEN	Vietnamese
5	NGUYEN THANH BINH	T.UNG	86-87	2	17			70	PVGAS	Vietnamese
6	PHAM THANH TUNG	T.UNG	84-85	2	17	1	23	85	PVGAS	Vietnamese
7	NGUYEN DANH TRUNG	T.UNG	79-80	2	15			70	CO DIEN	Vietnamese
8	DANG SU	T.UNG	81-82	2	15			78	CO DIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	8	552	12	108	1	23	0		
TOTAL		8	552	12	108	1	23	0		
WEIGHT KG			552		108		23			

GRAND TOAL:

683 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

F: 2300 KG (Phamh)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/09/2024	TO: TD5 - P10	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: X HOAN - ĐNAM - TOAN	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BAO NGUYỄN LỘC	TD5	59	1	8			64	KHOAN	Vietnamese
2	ĐO VINH CUONG	TD5	62	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM TIẾN VINH	TD5	60	1	20			78	KHOAN	Vietnamese
4	MAI DUY KHANH	TD5	63	1	12			74	KHOAN	Vietnamese
5	BUI NGOC ĐO	TD5	64-65	2	7			70	ANTOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN THANH	TD5	57	1	9			67	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN NGỌC CUONG	TD5	61	1	12			67	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM VĂN HUY	TD5	67-68	2	12			80	MERMAID	Vietnamese
9	PHẠM THANH ĐO	TD5	71	1	10	2	25	76	MERMAID	Vietnamese
10	RAZY BIN RASNIH	TD5	69-70	2	20			63	PVD TRAIN	Malaysian
11	SUSTAVOV V.S.	TD5	58	1	11			120	D-HANH	Russian
12	PHAM QUANG HUY	TD5	66	1	5			65	PSV	Vietnamese
13	HOANG BA ĐUC	P10	84	1	10	2	36	82	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊU VĂN ĐUỘC	P10	82-83	2	17			55	XAYLAP	Vietnamese
15	HUYNH KY MINH TUAN	P10	90-91	2	24	1	5	63	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN BA CUONG	P10	81,78	2	18			70	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN HỮU QUYNH	P10	88	1	8	1	17	65	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC QUY	P10	86	1	10	1	15	65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN ĐƯƠNG	P10	93-94	2	25			70	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ TẤT VINH	P10	96	1	6			72	PSV	Vietnamese
21	LƯU MẠNH TIEN	P10	92	1	10			65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	TD5		12	890	15	131	2	25	12		
2	P10		9	607	13	128	5	73	8		
TOTAL			21	1.497	28	259	7	98	20		
WEIGHT KG				1.497		259		98			

GRAND TOAL: 1.854 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/09/2024	TO: RP3 - RC4 - TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LINH - NPHÚ - DTÙNG	ETA: 11:45
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN CÔNG KHOAI	RP3	700	1	8			69	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ CÔNG NAM	RP3	47	1	12			72	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	RP3	98-99	2	20	2	17	84	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM NGOC NAM	RP3	94-95	2	18			65	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG PHẠM ĐAI	RP3	49-50	2	20			59	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SƠN	RP3	48	1	9			55	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY PHƯƠNG	RP3	92-93	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC KHANH	RP3	96-97	2	19			63	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN HUY HOANG	RC4	36-37	2	16	1	20	79	ANTOAN	Vietnamese
10	VU XUAN TRUONG	RC4	35	1	12			66	ANTOAN	Vietnamese
11	HOANG VĂN THƯỜNG	TD3	84	1	4	1	20	75	KHOAN	Vietnamese
12	CHU VĂN THẮNG	TD3	82	1	14			70	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG MINH TOAN	TD3	89	1	7			60	KHOAN	Vietnamese
14	LẠI THẾ ĐẠT	TD3	87	1	8			94	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN ANH	TD3	83	1	15	1	10	85	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ ANH THOẠI	TD3	90	1	10			94	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LINH	TD3	86	1	7			71	KHOAN	Vietnamese
18	ĐANG ĐÌNH PHÚC	TD3	88	1	7			91	KHOAN	Vietnamese
19	NGÔ VĂN CHUNG	TD3	80	1	8			79	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN THẮNG LỢI	TD3	85	1	4			58	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYỄN CHI LINH	TD3	81	1	10			85	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP3	8	530	13	126	2	17	7		
2	RC4	2	145	3	28	1	20	0		
3	TD3	11	862	11	94	2	30	15		
TOTAL		21	1.537	27	248	5	67	22		
WEIGHT KG			1.537		248		67			

GRAND TOAL: 1.852 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

lưu vsp



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/09/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 622	ETD: 11:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: MMINH - LTUÂN	ETA: 14:40
NAU-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN TRẢI	T.UNG	24-25	2	15			68	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN HỮU PHƯỚC	T.UNG	27-28	2	10			67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC BẢO	T.UNG	30	1	6			59	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	T.UNG	40	1	14			82	CODIEN	Vietnamese
5	ĐỖ VĂN THANH	T.UNG	38	1	8	3	110	88	CODIEN	Vietnamese
6	TRẦN ĐÌNH ĐIẾP	T.UNG	39	1	7			74	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN HUNG CUÔNG	T.UNG	20-21	2	15			57	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	T.UNG	31-32	2	14			70	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐẶNG VĂN DAN	T.UNG	29	1	8			65	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN NGỌC LONG	T.UNG	36	1	10	1	15	64	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH NGÂN	T.UNG	33	1	8	1	16	70	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN ĐOÀN ĐOÀN	T.UNG	18-19	2	17			61	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN TUÂN NGỌC	T.UNG	22	1	10	1	10	58	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN DINH CUONG	T.UNG	35	1	5			70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	T.UNG	14	953	19	147	6	151	5		
TOTAL		14	953	19	147	6	151	5		
WEIGHT KG			953		147		151			

GRAND TOAL: 1.251 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN